

Số: 168/2024/QĐST- DS

Quận 4, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2024/TLST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S; Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, TP.; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức danh: Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Thân Lê N; Địa chỉ: B N, Phường V, Quận C, TP.; Giấy uỷ quyền số 968/2024/UQ-TGD ngày 19/01/2024 từ Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S được Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Bị đơn: Ông Dương Hoài T, sinh năm 1984

Địa chỉ: A T, Phường A, Quận D, TP. Hồ Chí Minh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 02/12/2016, ông Dương Hoài T và Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20,000,000 đồng. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
----------	--------	-------------------	---------------------	---------------------

Visa	472074 - 2477	20.000.000	02/12/2016	2.6 %
------	---------------	------------	------------	-------

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông **T** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **39.032.580 đồng**. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh lãi là 44.404.683 đồng, phí trễ hạn là 1.859.817 đồng, phí khác là 897.000 đồng. Ông **T** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **55.694.683 đồng**. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do ông **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/03/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9% (= lãi suất trong hạn 2.6% x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 17/07/2024, ông **T** còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 0 đồng
- Lãi quá hạn : 26.585.400 đồng
- Tổng cộng: **26.585.400 đồng**

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng chẵn)

Tiền lãi không tiếp tục phát sinh từ ngày 18/7/2024.

Về việc giảm một phần tiền lãi: các bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các bên thỏa thuận chậm nhất đến hết ngày 17/8/2024, ông **T** sẽ thanh toán toàn bộ số nợ là 26.585.400 đồng cho nguyên đơn.

Trường hợp đến hết ngày 17/8/2024 mà ông **T** không thanh toán hoặc thanh toán không hết số nợ trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật để nguyên đơn thu hồi nợ.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Dương Hoài T** chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 664.635 (Sáu trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng.

Ngân hàng TMCP S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 882.000 (**T1** trăm tám mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034376 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Quận 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Bích Phượng